TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 294/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28/5/2024
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình –Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Bửu Khánh
Ông Võ Minh Tuấn
- ***Thư ký phiên Tòa*** : Bà Huỳnh Thị Phượng -là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024,tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 120/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 117/2024/QĐXX - ST, ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh A, sinh năm: 1999; địa chỉ: Số C, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2.Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Minh A trình bày:

Chị và anh T trước khi lấy nhau cótìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 30/4/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12/3/2020. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau về tiền bạc, anh T không lo làm

ăn và chăm sóc cho gia đình, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng12/2021 cho đến nay. Nay chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T; Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phạm Ngọc M – sinh ngày 28/02/2019, hiện đang ở với anh T, chị đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con ; Về tài sản chung ;nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng : Chị Phạm Thị Minh A yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" giữa chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thu ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự : Anh T đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tống đạt nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên họp công khai chứng cứ , phiên hòa giải , vắng mặt tại phiên tòa không có lý do . Xét thấy việc vắng mặt của anh T không làm ả nh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Lê Minh T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh Avà anh Lê Minh T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 30/4/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12/3/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, đã rất nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, giữa chị Minh A và anh T không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Minh A thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc chị Minh A xin ly hôn nhưng anh T vẫn không có ý kiến gì về việc chị Minh A xin ly hôn. Xét thấy hôn

nhân của chị Minh Avà anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Phạm Thị Minh A được ly hôn với anh Lê Minh T.

{2.2}Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Lê Phạm Ngọc M– sinh ngày 28/02/2019, hiện đang ở với anh T, chị yêu cầu được giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cho anh T nhưng anh T không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị Minh A giao con cho anh nuôi. Theo lời trình bày của chị Minh A từ khi chị và anh T sống ly thân cho đến nay, chị có đến thăm nom con nhưng con chị hiện nay rất mến bên gia đình anh T, chị không thể đòi quyền nuôi con được cho nên chị đồng ý giao con cho anh T nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Xử giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Minh A có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3}Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Phạm Thị Minh A phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 5802 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị A đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 56, khoản2 Điều 81của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Minh A được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về con chung : Giao cháuLê Phạm Ngọc M– sinh ngày 28/02/2019 cho anh Lê Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên chị Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị A có quyền đến thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung , không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án p hí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Phạm Thị Minh A phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 5802 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị A đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Chị A được tính kể từ ngày tuyên án (28/5/2024); anh T được tính từ ngàynhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành huyện
- UBND xã
- Lưu HS,VP.